

Bản án số: 13/2018/ HS-ST
Ngày: 20- 3- 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA , TỈNH KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Lơn

Bà Lê Thị Hoa

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân – là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 08/2018/TLST-HS ngày 30 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2018/HSST-QĐ ngày 28 tháng 02 năm 2018 đối với bị cáo:

N - Sinh năm: 1975, tại khối A, phường N, thành phố V, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Thôn Y, xã P, thị xã H, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông P (đã mất), con bà L, sinh năm 1953; chồng: L, sinh năm 1978, có 3 con, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2005; tiền sự: Không; tiền án: Ngày 12/9/2014, bị Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự, chấp hành xong ngày 29/11/2014; ngày 28/4/2016, bị Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự, chấp hành xong ngày 24/3/2017; bị cáo bị tạm giam từ ngày 19/10/2017, bị cáo có mặt.

- Người bị hại: Bà V - Sinh năm: 1970

Nơi cư trú: Thôn T, xã P, thị xã H, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông L - Sinh năm: 1978

Nơi cư trú: Thôn Y, xã P, thị xã H, tỉnh Khánh Hòa, có mặt.

- Người làm chứng:

1. Ông T – Sinh năm: 1978

Nơi cư trú: Thôn T, xã P, thị xã H, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

2. Ông S – Sinh năm: 1960

Nơi cư trú: Thôn T, xã P, thị xã H, tỉnh Khánh Hòa, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

N đã hai lần bị kết án về hành vi chiếm đoạt tài sản và chưa được xóa án tích, nhưng sau khi chấp hành xong án phạt tù về lại địa phương thì tiếp tục nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 19/10/2017, N lấy xe mô tô biển số 79H1 – 35465 của ông L (Chồng N) đi tìm nơi có sơ hở để lấy cắp. Khi đến quán tạp hóa của bà V ở thôn T, xã P, thị xã H, N thấy trong quán không có người thì dừng xe lại bên lề đường rồi đi vào quán lấy một cái ví bên trong có 6.960.000đ bỏ vào áo khoác và đi ra thì bị bà V phát hiện truy hô người dân đến bắt quả tang.

Trong quá trình điều tra N đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản cáo trạng số 08/CT-VKS-HS ngày 29 tháng 01 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa đã truy tố bị cáo N về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, trong phần tranh luận, Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; điểm g, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Xử phạt bị cáo N từ 02 (Hai) năm đến 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại V vắng mặt nên tách thành vụ kiện dân sự khác khi đương sự có đơn yêu cầu; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan L có mặt nhưng không yêu cầu nên không xem xét.

Về vật chứng: Đã trả lại cho chủ sở hữu nên không xem xét.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và đã được thẩm tra tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục: Tại phiên tòa , vắng mặt bị hại V; người làm chứng T nhưng xét thấy họ đã có lời khai trong hồ sơ vụ án. Việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 292; 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa, bị cáo N đã khai nhận toàn bộ hành vi bị cáo đã thực hiện như nội dung cáo trạng Viện kiểm sát nêu. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và kết luận của Kiểm sát viên. Do đó, hành vi của bị cáo N đã thực hiện có đủ các yếu tố cấu thành tội “ Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, an toàn xã hội tại địa phương và làm giảm sút niềm tin giữa con người với nhau. Chỉ vì lười lao động nhưng muốn có tiền tiêu xài mà bị cáo đã bất chấp pháp luật lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác. Bị cáo N có 02 tiền án về tội trộm cắp tài sản, sau khi chấp án xong không biết ăn năn hối cải mà còn tiếp tục phạm tội. Điều đó, thể hiện bị cáo rất coi thường pháp luật. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm và cách ly khỏi xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo. Tuy nhiên, xét trong giai đoạn điều tra cũng như thẩm vấn tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải, tài sản trộm cắp đã trả cho chủ sở hữu nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo thành công dân tốt , có ích cho xã hội.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại V vắng mặt nên tách thành vụ kiện dân sự khác khi đương sự có đơn yêu cầu; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan L có mặt nhưng không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về vật chứng: Đã trả lại cho chủ sở hữu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 đối với bị cáo N.

Căn cứ khoản 2 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử phạt: Bị cáo N 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (Ngày 19/10/2017).

Về trách nhiệm dân sự: Tách yêu cầu bồi thường thiệt hại thành vụ kiện dân sự khác khi bị hại V vắng mặt có đơn yêu cầu.

Về án phí: Bị cáo N phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án , bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án

nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm . Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- Cơ quan CSĐT Công an Tx. Ninh Hòa;
- Cơ quan THAHS Công an Tx. Ninh Hòa;
- Nhà tạm giữ Công an thị xã Ninh Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Ninh Hòa;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Nguyệt

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- Cơ quan CSĐT Công an Tx. Ninh Hòa;
- Cơ quan THAHS Công an Tx. Ninh Hòa;
- Nhà tạm giữ Công an thị xã Ninh Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Ninh Hòa;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Nguyệt

\